

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Khái quát về dự án:

1.1 Tên dự án: Nhà điều hành sản xuất tại Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4.

1.2 Địa điểm xây dựng: Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4, Thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng.

1.3 Người quyết định đầu tư: Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

1.4 Chủ đầu tư: Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 - Chi Nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

1.5 Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; Tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Điện 4.

1.6 Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Loại dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án nhóm C; Loại công trình dân dụng, hạ tầng, giao thông, công trình chính cấp III; thời hạn sử dụng của công trình theo thiết kế là 50 năm.

1.7 Mục tiêu dự án:

Đảm bảo cơ sở hạ tầng đáp ứng điều kiện làm việc thuận lợi cho bộ phận CB CNV phải thường xuyên làm việc tại Nhà máy;

Tạo cảnh quan cây xanh trong khuôn viên nhà máy, văn phòng làm việc mới đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, không gian và kang trang xứng tầm với quy mô công suất của NMNĐ Vĩnh Tân 4;

Đảm bảo an toàn cho nhân viên, đáp ứng quy định về phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ;

Tối ưu hóa chi phí bảo trì, sửa chữa hàng năm.

1.8 Quy mô đầu tư xây dựng: một số chỉ tiêu, thông số chính thể hiện quy mô kết cấu, giải pháp kỹ thuật của công trình chính thuộc dự án.

1.8.1. Quy mô đầu tư xây dựng:

- Xây dựng mới khối nhà điều hành-nhà ăn 2 tầng;
- Xây dựng mới khối nhà hội trường 2 tầng;
- Xây dựng mới nhà để xe ô tô, nhà để xe máy;
- Xây dựng mới nhà bảo vệ và cổng;
- Cải tạo khuôn viên, cảnh quan và tháo dỡ văn phòng công trường hiện hữu diện tích đất còn lại khoảng 20.000 m²;
- Xây dựng mới tuyến đường nội bộ cùng hệ thống thoát nước xung quanh khu vực văn phòng kết nối vào hệ thống hiện hữu của nhà máy.

Diện tích Khối nhà được phân thành các phân khu chức năng chính là khối điều hành, khối nhà ăn, khối nhà hội trường và các khu vực khác được thống kê theo bảng chi tiết bên dưới.

STT	Phân khu chức năng	Diện tích thiết kế (m ²)	Tỉ lệ (%)
1	Khối điều hành	1529,7	28%
2	Khối hội trường	635,44	12%
3	Diện tích Nhà ăn	303,98	6%
4	Phục vụ, phụ trợ và kỹ thuật	803,51	15%
5	Diện tích công cộng	429,73	8%
6	Diện tích hành lang giao thông	1305,1	24%
7	Diện tích kết cấu	362,3	7%
	Tổng diện tích sàn	5369,76	100%

1.8.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình

1.8.2.1 Nhà điều hành sản xuất

Nhà điều hành sản xuất là các khối nhà kết hợp với khối nhà chính là khối điều hành, ở giữa là khối nhà ăn và cuối là khối hội trường.

Khối 1: là khu vực sảnh đón tiếp và văn phòng làm việc, kích thước 10x38,6m.

Khối 2: là khu vực văn phòng làm việc, có kích thước 22,6x40m.

Khối 3: là khu vực nhà ăn ở tầng 1 và phòng làm việc ở tầng 2, có kích thước 12,8x56m.

Khối nhà điều hành là khối nhà hai tầng, phân thành khối trước, giữa, và sau. Các khối này liên kết với nhau bằng hành lang. Khối Điều hành được bố trí theo kiểu hành lang giữa, hai bên là các phòng ban làm việc. Các cụm vệ sinh và thang thoát hiểm được bố trí ở đầu và cuối dãy hành lang.

Các phòng làm việc được phân chia và bố trí theo cụm chức năng: Tầng 1 bố trí phòng làm việc các phân xưởng, nhà ăn và phòng lưu trữ hồ sơ. Tầng 2 được dành cho ban giám đốc, các phòng ban còn lại và hội trường.

Chiều cao của khối văn phòng là 3,9m cho một tầng. Chiều cao tổng của khối nhà điều hành và nhà ăn là 7,8m.

Nhà điều hành sản xuất có kết cấu móng, kết cấu khung dầm cột bằng BTCT cấp độ bền B25. Móng tường xây bằng đá chẻ. Tường xây gạch và được sơn nước hoàn thiện.

Nhà ăn và bếp được bố trí giữa hai khối nhà có quy mô phục vụ khoảng 200 người cùng lúc. Bếp và khu vực chuẩn bị được tính toán với diện tích phù hợp.

1.8.2.2 Nhà hội trường

Khối hội trường gồm 2 tầng. Tầng 1 là hội trường và các phòng phục vụ hội trường bao gồm một phòng đợi VIP và 2 phòng chuẩn bị bố trí xung quanh khu vực sân khấu. Tầng 2 là các không gian phụ trợ, sảnh và phòng lưu trữ.

Chiều cao của khối hội trường tại tầng 1 là 3,0m và chiều cao tầng 2 là 6,6m.

Khối hội trường có kết cấu móng, kết cấu khung dầm cột bằng BTCT cấp độ bền B25. Móng tường xây bằng đá chẻ. Mái khu vực hội trường gồm hệ dầm thép H(300~500)x200x9x14 và H200x100x5,5x8. Xà gồ lợp Z150x68x20x2 bước 1200mm. Tôn lợp dày 0,5mm. Tường xây gạch và được sơn nước hoàn thiện.

1.8.2.3 Nhà để xe máy

Nhà để xe máy có kết cấu khung thép đơn, cột và dầm giằng làm bằng thép ống. Nhà để xe máy có kích thước 5,55x30x5m, cao 2,68m. Xà gồ thép C cán nguội. Tất cả các cấu kiện được mạ kẽm nhúng nóng, bước cột 3m. Nền nhà xe BTCT B25. Kết cấu móng nông BTCT B25.

1.8.2.4 Nhà để xe ô tô

Nhà để xe ô tô là nhà kết cấu khung BTCT, nền nhà xe BTCT B25. Kết cấu móng nông BTCT B25. Tường và các cấu kiện được sơn nước trong và ngoài nhà. Kích thước nhà để xe 6,7x30m, chiều cao 4,6m.

Mái nhà để xe ô tô được thiết kế lát hệ gạch chống nóng U 200x200x80mm trên lớp màng chống thấm khô nóng.

1.8.2.5 Nhà bảo vệ và cổng rào

Nhà bảo vệ là nhà kết cấu khung BTCT, nền nhà lát gạch ceramic trên nền BTCT đá 4x5 cấp độ bền B7,5. Tường và các cấu kiện kết cấu được sơn nước trong và ngoài nhà. Kích thước nhà bảo vệ 3,2x4,9m chiều cao 3,0m.

Cổng rào có kết cấu cột gạch, tường gạch, móng đá chẻ. Phần tường được ốp đá granite trên mặt cho bảng thông tin của nhà máy. Cổng rào có hai phần chính, một cổng 12 nhỏ cho người đi bộ và một cổng cho xe cơ giới. Chiều rộng tổng cộng của cổng là 12,8m. Cửa cổng chính là công cửa xếp có dùng motor điện điều khiển từ xa.

1.8.2.6 Đường giao thông và cảnh quan

Đường giao thông được thiết kế bao quanh các công trình đảm bảo cho công tác PCCC. Đường có kết cấu là đường bê tông asphalt, chiều rộng 6, 8, 10m, có bó vỉa bê tông, vỉa hè lát gạch Terazzo. Đường giao thông được thiết kế theo tiêu chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế có liên quan. Hai bên đường bố trí các thanh bó vỉa bằng bê tông và hệ thống thu nước mưa gom nước về các hố ga rồi dẫn về hệ thống thoát nước chung của nhà máy.

Sân tập trung được bố trí ở hướng Đông trước khu Hội trường. Các khu vực sân cảnh quan sẽ được bố trí tại hướng Đông Bắc và Đông của công trình. Vỉa hè có kết cấu lát gạch hoặc các tấm bê tông trên nền đất đầm chặt. Sân trước lót tấm BTCT hoặc lát gạch sân vườn. Khuôn viên cây xanh bố trí lối đi dạo bằng bê tông theo kiểu ô bàn cờ và trồng cỏ xen kẽ.

1.8.2.7 Hệ thống cấp thoát nước

Nước cấp được lấy từ hệ thống ống nước thủy cục cấp cho Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4. Nước được cấp đến một bể chứa nước sinh hoạt dung tích 14m³.

Đường ống nước là hệ thống ống HDPE chôn ngầm và dẫn đến các thiết bị trong nhà theo các ống kỹ thuật tại các tòa nhà.

Hệ thống thoát nước mưa là hệ thống ống thu gom nước mưa từ mái dẫn đến hệ thống hố ga và dẫn vào hệ thống thoát nước của đường nội khu. Ống sử dụng là ống uPVC. Hệ thống thu nước trên mặt là hệ thống rãnh BTCT, được chôn ngầm và dẫn về này đi chung với hệ thống thu nước mưa của các sân trong khu vực.

Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt được dẫn từ các thiết bị vệ sinh và thu gom về hầm phân được thiết kế cho khối nhà điều hành và khối nhà hội trường. Sau khi ra khỏi hầm phân, nước được xử lý qua hệ thống xử lý nước cục bộ phù hợp với Quy chuẩn môi trường của Việt Nam và đưa ra hệ thống thoát nước nội bộ của nhà máy.

1.8.2.8 Hệ thống điện

Giải pháp cấp nguồn điện của khu vực Nhà điều hành sản xuất được lấy từ thanh cái hạ thế của hệ thống điện tự dùng nhà máy và đấu nối vào các tủ điện tự dùng hạ thế tại công trình.

Cấp ngầm được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE cỡ phù hợp và được chôn ngầm khoảng cách tối thiểu 0,8m so với cốt hoàn thiện sân.

Hệ thống tủ phân phối hạ áp được thiết kế theo tiêu chuẩn IEC 60439 hoặc tương đương. Hệ thống này có các dây nhị thứ được sử dụng phải là loại cáp chống cháy, ít khói và không có thành phần halogen, được chế tạo bằng đồng tinh khiết. Kích thước của cáp không được nhỏ hơn 2,5 mm².

Tủ có cấp bảo vệ IP54 trở lên (trong nhà) và IP66 trở lên (ngoài trời). Tủ điện hạ thế có thanh cái tiếp đất bằng đồng rắn, đảm bảo chịu được mức ngắn mạch yêu cầu.

1.8.2.9 Hệ thống chiếu sáng

Hệ thống chiếu sáng trong nhà phục vụ các phòng làm việc, phòng chức năng, khu bếp dùng bộ đèn LED panel 600x600 50W ánh sáng trắng, lắp âm trần, kích thước 60x60cm. Sử dụng khoá chuyển mạch lắp đặt tại hộp điện phòng để điều khiển chiếu sáng.

Chiếu sáng hành lang, sảnh, kho dùng bộ đèn LED panel 300x300 24W ánh sáng trắng, lắp âm trần, kích thước 30x30cm. Sử dụng khoá chuyển mạch lắp đặt tại tủ điện tầng để điều khiển chiếu sáng.

Nguồn điện cấp cho hệ thống chiếu sáng trong nhà là nguồn điện 01 pha 220V, lấy từ các hộp điện phân phối của mỗi phòng, nguồn điện cấp cho chiếu sáng hành lang được lấy từ tủ điện tầng đặt tại gian kỹ thuật. Cấp điện chiếu sáng được luồn trong ống nhựa xoắn PVC cỡ phù hợp bố trí trên trần la phong tại khu vực phòng hoặc đi trên máng cáp tại khu vực hành lang.

Hệ thống chiếu sáng ngoài trời sử dụng các bóng đèn LED công suất 120W, quang thông 13200lm, ánh sáng vàng. Các đèn được lắp trên các trụ đèn ở độ cao từ 8m trở lên, cần đèn 1m, được bố trí xung quanh khuôn viên Nhà điều hành sản xuất.

1.8.2.10 Hệ thống nối đất và chống sét

Hệ thống nối đất được bố trí xung quanh khu vực Nhà điều hành, lưới nối đất sử dụng hỗn hợp cọc – tia.

Cọc nối đất dùng thép mạ đồng D22mm dài 2,5 mét, đóng sâu cách mặt đất tối thiểu 0,8m và được nối với nhau bằng dây đồng trần 95mm².

Khu vực Nhà điều hành sản xuất tại nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 đặt gần khu vực đường dây cao áp và trạm biến áp 500kV do đó cần có các biện pháp nối đất an toàn cho các vị trí có kim loại có khả năng nhiễm điện như công, lan can, ...

Nhà điều hành sản xuất tại nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 sử dụng công nghệ kim thu sét tiên đạo sớm (ESE). Kim thu sét ESE (Early Streamer Emission).

1.8.2.11 Hệ thống điều hòa không khí

Hệ thống điều hòa không khí của Nhà điều hành sản xuất tại nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4 được chọn lựa theo các hệ thống chính là hệ thống ĐHKK trung tâm VRV/VRF: Được thiết kế theo dung tích làm lạnh của các khu vực tòa nhà. Hệ thống cơ bản là hệ thống ĐHKK có lưu lượng môi chất có thể thay đổi được thông qua điều chỉnh tần số dòng điện. Môđun dàn nóng sử dụng từ 01 đến 02 máy nén trong đó toàn bộ là loại máy nén biến tần.

Hệ thống gió thải bao gồm các quạt hút được bố trí ở các không gian nhà vệ sinh và khu vực bếp có chức năng hút mùi và luân chuyển không khí trong khu vực.

Hệ thống cấp gió tươi Các không gian lắp điều hoà: Gió tươi được lấy từ ngoài trời thông qua cửa lấy gió lắp trên tường kèm bộ lọc thô. Đối với các khu vực không bố trí máy lạnh, cửa sổ được thiết kế đảm bảo việc lấy không khí vào khu vực.

1.8.2.12 Hệ thống PCCC

Trong nhà điều hành và nhà hội trường lắp đặt các đầu dò khói và các bình chữa cháy tại các vị trí thích hợp, phía trong nhà và ngoài trời bố trí các họng chữa cháy tại các vị trí thích hợp.

Các trang thiết bị của các hệ thống PCCC cho nhà điều hành gồm:

Bảng tiêu lệnh và bảng nội quy PCCC được đặt ở các vị trí có tính công cộng dễ nhìn thấy

- Hệ thống báo cháy:

+ Trang bị thiết bị phát hiện và báo cháy cho tất cả các khu vực chức năng, các khu vực có nguy hiểm cháy của công trình.

+ Trang bị chuông còi báo động và nút nhấn báo cháy.

+ Trang bị đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn.

- Hệ thống chữa cháy trong nhà:

+ Trang bị các thiết bị chữa cháy bằng tay như: bình bột, bình CO₂.

+ Trang bị hộp chữa cháy vách tường bao gồm vòi phun và lăng phun.

- Hệ thống trụ chữa cháy và trụ tiếp nước trong và ngoài nhà.

1.8.2.13 Hệ thống thông tin liên lạc

Tòa nhà được bố trí hệ thống điện thoại liên lạc với bên ngoài và điện thoại nội bộ được quản lý qua tổng đài cùng đường Internet tốc độ cao bằng cáp quang được bộ phận IT quản lý đặt tại phòng kỹ thuật ở tầng 2 toà nhà. Mạng máy tính nội bộ hỗ trợ tốc độ 10/100 Mbps.

Hệ thống mạng điện thoại được quản lý bởi tổng đài điện thoại PABX kết nối tới các phòng. Hệ thống có 6 đường trung kế Analog và 64 máy nhánh, có khả năng nâng cấp và mở rộng tích hợp máy nhánh IP.

1.8.2.14. Hệ thống an ninh giám sát

Hệ thống giám sát an ninh trang bị Camera IP gồm các camera âm trần (Dome camera) và camera quay quét zoom (Camera PTZ). Sử dụng các camera thu nhận hình ảnh, số hóa, xử lý và mã hóa sau đó truyền tải tín hiệu số qua cáp mạng ethernet UTP CAT6 về máy tính và thiết bị lưu trữ mạng NVR (Network Video Recorder).

1.9 Tổng mức đầu tư xây dựng

Giá trị tổng mức đầu tư là: 89.579.131.000 VNĐ (*Bằng chữ: tám mươi chín tỷ, năm trăm bảy mươi chín triệu, một trăm ba mươi mốt ngàn đồng*). Cụ thể như sau:

STT	Hạng mục chi phí	Giá trị (đồng)	Ghi chú
1	Chi phí xây dựng	66.078.528.120	
2	Chi phí thiết bị	8.570.515.744	
3	Chi phí quản lý dự án	1.432.155.392	
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	4.348.024.980	
5	Chi phí khác	861.276.560	
6	Chi phí dự phòng	8.288.630.382	
	TỔNG CỘNG (làm tròn)	89.579.131.000	

1.10 Nguồn vốn đầu tư dự án

- Vốn tự có của Tập đoàn Điện Lực Việt Nam.

1.11 Các nhà thầu đang thực hiện các gói thầu thuộc dự án:

TT	Tên gói thầu	Loại hợp đồng	Giá Hợp đồng/gói thầu (triệu đồng)	Nhà thầu thực hiện
1	Gói thầu số 01: Tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi Nhà điều hành sản xuất tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	Trọn gói	458.419.713	Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4
2	Gói thầu số 02: Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi dự án	Trọn gói	70.172.810	Công ty cổ phần Tư vấn

	Nhà điều hành sản xuất tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4			Xây dựng Điện 3
3	Gói thầu số 04: Khảo sát, thiết kế và thi công xây dựng công trình (EC) dự án Nhà điều hành sản xuất tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	Trọn gói	76.569.158.589	Liên danh PC1
4	Gói thầu số 05: Tư vấn Quản lý dự án và thẩm tra hồ sơ thiết kế dự án Nhà điều hành sản xuất tại NMNĐ Vĩnh Tân 4	Trọn gói	1.537.000.000	Công ty Cổ phần tổng hợp Phú Tài Phát
5	Gói thầu số 06: Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình dự án Nhà điều hành sản xuất tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	Trọn gói	1.007.100.000	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng VNT Việt Nam
6	Gói thầu số 07: Tư vấn Kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành dự án Nhà điều hành sản xuất tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	Trọn gói	354.943.080	Đang lựa chọn nhà thầu

Ngoài các Hợp đồng đang thực hiện nêu trên, còn có các nội dung công việc khác thuộc dự án phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Giới thiệu về gói thầu:

- Tên Gói thầu số 7: Tư vấn kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành dự án nhà điều hành sản xuất tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4;
- Hình thức lựa chọn Nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng;
- Phương thức lựa chọn Nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ;
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn Nhà thầu: Quý II/2026;
- Loại Hợp đồng: Trọn gói;
- Thời gian thực hiện Gói thầu: 3 tháng;
- Thời gian thực hiện Hợp đồng: 6 tháng;
- Nguồn vốn: Vốn tự có của EVN.

3. Mục đích tuyển chọn nhà thầu tư vấn:

- Lựa chọn nhà thầu tư vấn kiểm toán đáp ứng đủ năng lực về kinh nghiệm và tài chính để thực hiện công việc tư vấn kiểm toán quyết toán hoàn thành “dự án nhà điều hành sản xuất tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4”.

- Lựa chọn nhà thầu tư vấn kiểm toán độc lập nhằm tư vấn cho Chủ đầu tư phát hiện, ngăn ngừa kịp thời các sai sót có thể xảy ra trong quá trình triển khai thực hiện, quản lý công tác xây dựng, giúp Chủ đầu tư thực hiện hạch toán, thanh quyết toán công tác xây dựng dự án Nhà điều hành sản xuất đúng theo các quy trình, quy định hiện hành về công tác quản lý vốn đầu tư.

II. Phạm vi công việc:

1. Kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành “dự án nhà điều hành sản xuất tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4”, bao gồm các công việc chủ yếu sau:

- Chuẩn bị, lập kế hoạch kiểm toán (Lập kế hoạch, chương trình kiểm toán, kế hoạch làm việc và giao nhận tài liệu hồ sơ kiểm toán);
- Nội dung thực hiện kiểm toán:
 - + Kiểm tra hồ sơ pháp lý của dự án;
 - + Kiểm tra nguồn vốn đầu tư của dự án;
 - + Kiểm tra chi phí đầu tư;
 - + Kiểm tra chi phí đầu tư thiệt hại không tính vào giá trị tài sản;
 - + Kiểm tra việc xác định số lượng, giá trị tài sản hình thành qua đầu tư;
 - + Kiểm tra tình hình công nợ;
 - + Xem xét việc thực hiện kết luận của các cơ quan thanh tra. kiểm tra (nếu có);
 - + Xem xét trình các cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư.
- Xây dựng và thống nhất với Bên A nội dung, chương trình kiểm toán, thực hiện đúng chương trình kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan, trung thực và bảo mật hồ sơ;
- Thường xuyên trao đổi, bàn bạc với Chủ đầu tư để giải quyết các vướng mắc trong quá trình kiểm toán, đáp ứng tiến độ và chất lượng công việc mà hai bên đã thống nhất;
- Hợp thông báo dự thảo kết quả kiểm toán và các vấn đề còn tồn tại yêu cầu bổ sung, giải trình làm rõ;
- Tổng hợp, đối chiếu số liệu, phát hành Báo cáo kiểm toán dự thảo và Báo cáo kiểm toán chính thức.
- Nộp báo cáo kiểm toán cho Chủ đầu tư đúng thời hạn quy định và chịu trách nhiệm về tính trung thực, khách quan, hợp lý của thông tin đưa ra trong Báo cáo kiểm toán.

2. Nhà thầu kiểm toán khi thực hiện kiểm toán quyết toán dự án trong gói thầu này phải tuân thủ các quy định, nguyên tắc sau (trong trường hợp văn bản thay thế, sửa đổi bổ sung thì cập nhật theo quy định mới):

- Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 1000 về kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, ban hành kèm theo Thông tư số 67/2015/TT-BTC ngày 08/05/2015 của Bộ Tài chính;
- Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;
- Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26/9/202 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán.
- Các quy định hiện hành:

+ Nhà thầu kiểm toán chịu trách nhiệm về nội dung và giá trị kiểm toán do mình thực hiện.

+ Xây dựng và thống nhất với Chủ đầu tư nội dung, chương trình kiểm toán, thực hiện đúng chương trình kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan, trung thực và bí mật số liệu;

+ Thường xuyên trao đổi, bàn bạc với Chủ đầu tư để giải quyết các vướng mắc trong quá trình kiểm toán, đáp ứng tiến độ và chất lượng công việc mà hai bên đã thống nhất;

+ Nộp báo cáo kiểm toán cho Chủ đầu tư đúng thời hạn quy định và chịu trách nhiệm về tính trung thực, khách quan, hợp lý của thông tin đưa ra trong Báo cáo kiểm toán.

3. Dự kiến địa điểm và thời gian nhà thầu bắt đầu thực hiện dịch vụ kiểm toán: Sau khi ký kết hợp đồng, Nhà máy sẽ thông báo bằng văn bản yêu cầu Nhà thầu thực hiện.

Địa điểm làm việc: tại Văn phòng Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 đường Lê Thánh Tông, Tổ dân phố 3, phường Đông Hải, tỉnh Khánh Hòa hoặc tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện hợp đồng, thời gian thực hiện công việc kiểm toán và báo cáo kiểm toán:

1. Thời gian thực hiện hợp đồng và thời gian thực hiện kiểm toán:

- Thời gian thực hiện Hợp đồng là 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Trong đó, tiến độ thực hiện kiểm toán là **30 ngày** (ngày thực hiện là ngày theo dương lịch kể cả ngày nghỉ, ngày lễ – Tết) kể từ ngày Nhà máy có văn bản yêu cầu Đơn vị kiểm toán vào kiểm toán. Nhà thầu kiểm toán phải bố trí nhân sự thực hiện công tác kiểm toán trực tiếp tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 hoặc trụ sở văn phòng của Nhà máy.

2. Báo cáo kiểm toán phải nộp và tiến độ nộp báo cáo.

- Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư 05 bộ báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành trong vòng 30 ngày kể từ khi Chủ đầu tư phát hành văn bản yêu cầu Nhà thầu thực hiện kiểm toán. Nhà thầu kiểm toán phải bố trí nhân sự thực hiện công tác kiểm toán trực tiếp tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 hoặc trụ sở văn phòng của Nhà máy.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

- Phù hợp với tiêu chuẩn Đánh giá hồ sơ dự thầu quy định trong Chương III của E-HSMT.

- Nhà thầu phải bố trí nhân sự đảm bảo về số lượng, sức khỏe, trình độ chuyên môn phù hợp với tính chất công việc, thời gian thực hiện gói thầu. Thông tin về nhân sự phải rõ ràng, chuẩn xác, thuận lợi cho việc xác minh của Chủ đầu tư (nếu cần).

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư (Bên A):

- Chủ đầu tư bảo đảm cung cấp kịp thời cho Nhà thầu (Bên B) toàn bộ hồ sơ, tài liệu cần thiết có liên quan đến cuộc kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư theo quy định hiện hành, bao gồm: Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư; Báo cáo quyết toán vốn đầu tư; Các văn bản pháp lý có liên quan; Các hợp đồng kinh tế và biên bản thanh lý hợp đồng; Các biên bản nghiệm thu giai đoạn, biên bản quyết toán giá trị sửa chữa lớn; Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công, hồ sơ đấu thầu, dự toán thiết kế, ... và các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan đến công tác đại tu và chịu trách nhiệm pháp lý đối với các hồ sơ tài liệu cung cấp cho kiểm toán (*Việc giao nhận hồ sơ, tài liệu phục vụ kiểm toán sẽ được Chủ đầu tư và Nhà thầu lập thành văn bản và ký xác nhận. Nhà thầu phải có trách nhiệm quản lý, bảo quản các hồ sơ, tài liệu đã được Chủ đầu tư giao. Nếu để thất lạc, mất mát hoặc tài liệu sử dụng cho mục đích khác ngoài phạm vi của Hợp đồng này Nhà thầu phải chịu trách nhiệm*).

- Bên A cử cán bộ chuyên môn cùng tham gia, phối hợp với Bên B trong quá trình thực hiện công việc khi có yêu cầu của Bên B.

- Bên A tạo điều kiện cho Bên B khảo sát, kiểm tra hiện trường khi có yêu cầu của Bên B.